

SỞ Y TẾ HÀ NỘI  
**BỆNH VIỆN ĐK ĐÔNG ĐA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 215/BV-VT, TBYT  
V/v: Mời báo giá và cung cấp hồ sơ  
năng lực về việc Thẩm định giá hàng  
hóa là vật tư, hóa chất, sinh phẩm  
dùng trong y tế

Hà Nội, ngày 04 tháng 4 năm 2023

## MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Quý Công ty có chức năng thẩm định giá hàng hóa

Tên KH yêu cầu thẩm định giá: **BỆNH VIỆN ĐA KHOA ĐÔNG ĐA**

Địa chỉ: 192 Nguyễn Lương Bằng, Quận Đống Đa, Hà Nội.

Điện thoại: 02438512119 / 02435117689 .

Tài khoản số: 3715.0.1059380 tại Kho bạc Nhà nước Đống Đa.

Mã số thuế: 0101563009.

Đại diện: Ông **Phạm Bá Hiền**

Chức vụ: **Giám đốc**

Bệnh viện Đa khoa Đống Đa có kế hoạch tổ chức mua sắm hàng hóa là các vật tư, hóa chất và sinh phẩm dùng trong y tế năm 2023 (danh mục chi tiết đính kèm). Nhằm mục đích lựa chọn được đơn vị thẩm định giá có năng lực, kinh nghiệm, Bệnh viện ĐK Đống Đa kính mời các Quý Công ty có quan tâm gửi Hồ sơ năng lực (HSNL) Công ty và báo giá phí dịch vụ thẩm định giá các hàng hóa cho Bệnh viện Đa khoa Đống Đa

Mục đích thẩm định: Xác định giá trị tài sản là các vật tư, hóa chất và sinh phẩm dùng trong y tế cho Bệnh viện Đa khoa Đống Đa để phục vụ công tác lập dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu nhằm mục đích mua sắm theo các quy định hiện hành.

Thời điểm thẩm định giá: Quý II năm 2023.

Yêu cầu cung cấp chứng thư: 02 bản cứng bằng tiếng Việt có kèm theo báo cáo thẩm định.

Thời gian nhận báo giá và HSNL: muộn nhất là 09h00 ngày 06/4/2023.

Địa chỉ: Phòng VT-TBYT - Phòng 202 Nhà G / Bệnh viện ĐK Đống Đa / 192 Nguyễn Lương Bằng - Đống Đa - Hà Nội

Trân trọng cảm ơn.

**Nơi nhận:**

- Như trên đề nghị;
- TCKT (để phối hợp);
- Lưu: VT, VT-TBYT.

**GIÁM ĐỐC**  
  
**Phạm Bá Hiền**

## PHỤ LỤC CHI TIẾT CỦA TÀI SẢN CẢN THÂM ĐỊNH GIÁ

(Kèm theo Công văn số: 245 /BV-VT, TBVT ngày 04 tháng 4 năm 2023)

Stt	Phân nhóm theo thông tư 14/2020/TT-BYT	Tên hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Nhóm 1	Hóa chất đo tải lượng virus HBV	Hóa chất đo tải lượng virus HBV. Bộ hóa chất định lượng HBV DNA bao gồm hộp bi từ, hộp dung dịch phá mẫu, hộp dung dịch đa dụng chứa PASE và EB, bộ đối chứng gồm chứng âm, chứng dương cao và chứng dương thấp, hộp hóa chất đặc trưng cho xét nghiệm HBV chứa chất chuẩn định lượng HBV, hỗn hợp phản ứng HBV và Mn2+. Sử dụng cho máy đo tải lượng Virus Cobas Tagman COBAS TaqMan 48/COBAS AmpliPrep của Bệnh viện.	Hộp	35	
2	Nhóm 1	Hóa chất đo tải lượng virus HCV.	Hóa chất đo tải lượng virus HCV. Bộ hóa chất định lượng HCV RNA bao gồm hộp bi từ, hộp dung dịch phá mẫu, hộp dung dịch đa dụng chứa PASE và EB, bộ đối chứng gồm chứng âm, chứng dương cao và chứng dương thấp, hộp hóa chất đặc trưng cho xét nghiệm HCV chứa chất chuẩn định lượng HCV, hỗn hợp phản ứng HCV và Mn2+. Sử dụng cho máy đo tải lượng Virus Cobas Tagman COBAS TaqMan 48/COBAS AmpliPrep của Bệnh viện	Hộp	1	
3	Nhóm 1	Hóa chất đo tải lượng virus HIV	Hóa chất đo tải lượng virus HIV. Bộ hóa chất định lượng HIV RNA bao gồm hộp bi từ, hộp dung dịch phá mẫu, hộp dung dịch đa dụng chứa PASE và EB, bộ đối chứng gồm chứng âm, chứng dương cao và chứng dương thấp, hộp hóa chất đặc trưng cho xét nghiệm HIV chứa chất chuẩn định lượng HIV, hỗn hợp phản ứng HIV và Mn2+. Sử dụng cho máy đo tải lượng Virus Cobas Tagman COBAS TaqMan 48/COBAS AmpliPrep của Bệnh viện	Hộp	152	
4	Nhóm 1	Ống chứa bệnh phẩm cho máy tách chiết	Ống chứa bệnh phẩm trên máy tách chiết tự động Cobas AmpliPrep đang sử dụng tại Bệnh viện	Hộp	37	





Stt	Phân nhóm theo thông tư 14/2020/TT-BYT	Tên hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
5	Nhóm 1	Ống chứa DNA/RNA để chạy realtime PCR của máy kỹ thuật đại.	Ống đựng DNA/RNA đã tách chiết để realtime PCR trên máy Cobas TaqMan 48 đang sử dụng tại Bệnh viện.	Hộp	9	
6	Nhóm 1	Đơn vị xử lý mẫu trên máy tách chiết.	Đơn vị xử lý mẫu trên máy tách chiết tự động Cobas AmpliPrep đang sử dụng tại Bệnh viện.	Hộp	37	
7	Nhóm 1	Đầu côn hút DNA/RNA đã tách chiết ở máy tách chiết.	Đầu côn hút DNA/RNA đã tách chiết ở máy Cobas AmpliPrep đang sử dụng tại Bệnh viện.	Hộp	25	
8	Nhóm 3	Nước rửa máy tách chiết	Dung dịch rửa hệ thống chứa Sodium citrate dihydrate < 0.1% N - Methylisothiazolone-HCl thể tích $\geq 5$ L.	Hộp	100	
9	Nhóm 4	Test nhanh chuẩn đoán cúm A/B	Phát hiện kháng nguyên virus cúm A/B trong mẫu dịch mũi họng người - Độ nhạy: $\geq 83\%$ (Type A), 94% (Type B); Độ đặc hiệu: 95% - Thành phần: Cồng hợp vàng - kháng thể đơn dòng chuột kháng influenza A; Cồng hợp vàng - kháng thể đơn dòng chuột kháng influenza B. bao gồm: 1 lọ kháng thể đơn dòng CD4 được đánh dấu huỳnh quang PE 2ml, 1 lọ màu nâu Tránh ánh nắng trực tiếp 1 lọ dung dịch đệm không ly giải 100ml, 1 lọ màu nâu tránh ánh sáng	Hộp	300	
10	Nhóm 3	Bộ sinh phẩm đếm CD4	Mỗi túi gồm 2 lọ dung dịch chứa hạt chuẩn màu lục bằng nhựa silica dung tích 25ml/lọ	Hộp	6	
11	Nhóm 3	Hoá chất chuẩn máy		Bộ	6	

Stt	Phân nhóm theo thông tư 14/2020/TT-BYT	Tên hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
12	Nhóm 3	Dung dịch sát khuẩn	Mỗi túi gồm 2 lọ dung dịch chứa hạt chuẩn màu lục bằng nhựa silica dung tích 25ml/lọ	Lọ	2	
13	Nhóm 3	Dung dịch rửa máy	Mỗi lọ chứa dung dịch có chứa chất tẩy có hoạt tính bazo có tác dụng làm sạch và hòa tan làm trôi chất bẩn. Dung dịch màu xanh lục có dung tích 250ml/lọ HSD: ≥5 tháng	Lọ	2	
14	không phân nhóm	Filter lọc	Đầu lọc màu vàng	Túi	1	
15	không phân nhóm	Ống mẫu test CD4 (Sample tube 3.5ml)	Ống để đựng mẫu máu trong quá trình thực hiện xét nghiệm, ống chất liệu nhựa polystyrene dung tích 3.5ml	Hộp	11	
16	Nhóm 1	Phim X-quang 10x12In	Phim X-quang laser kích thước 10x12inch (25*30 cm) phù hợp với máy in phim laser Drypix của Bệnh viện.	Tờ	10.000	
17	Nhóm 1	Phim X-quang 8x10In	Phim X-quang laser kích thước 8x10inch (20x25 cm) phù hợp với máy in phim laser Drypix của Bệnh viện.	Tờ	70.000	
18	Nhóm 1	Phim CT Scanner 14x17In	Phim X-quang laser kích thước 14x17inch (35*43 cm) phù hợp với máy in phim laser Drypix của Bệnh viện.	Tờ	15.000	



Sst	Phân nhóm theo thông tư 14/2020/TT-BYT	Tên hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
19	Nhóm 6	Phim chụp răng tự rửa	Phim và nước đóng sẵn trong 1 lá phim	Tờ	2500	
20	Nhóm 1	Quả lọc máu có hệ số siêu lọc cao	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nguyên liệu: màng lọc làm từ sợi Polyethersulfone hoặc tương đương, không chứa Bisphenol-A(BPA), không chứa DEHP.</li> <li>- Diện tích màng <math>\leq 1,5</math> m<sup>2</sup>; - Thể tích mỗi <math>\leq 95</math> mL; - Hệ số siêu lọc: <math>\geq 67</math> (mL/giờ/mmHg); - Vỏ quả lọc: Polypropylene hoặc tương đương; - Độ thanh thải (Lưu lượng máu: 300ml/phút): Ure <math>\geq 278</math> ml/phút, Creatinine <math>\geq 259</math> ml/phút, Phosphate <math>\geq 241</math> ml/phút, Vitamin B12 <math>\geq 180</math> ml/phút, Inulin <math>\geq 112</math> ml/phút, Myoglobin <math>\geq 90</math> ml/phút.</li> <li>- Tiệt trùng: Tia Gamma hoặc tương đương</li> </ul>	Quả	2700	
21	Nhóm 1	Quả lọc máu có hệ số siêu lọc trung bình	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nguyên liệu: màng lọc làm từ sợi Polyethersulfone hoặc tương đương, không chứa Bisphenol-A(BPA), không chứa DEHP.</li> <li>- Diện tích <math>\leq 1,7</math> m<sup>2</sup>.</li> <li>- Thể tích mỗi <math>\leq 108</math>mL.</li> <li>- Hệ số siêu lọc: <math>\geq 22</math> (mL/giờ/mmHg).</li> <li>- Vỏ quả lọc: Polypropylene hoặc tương đương.</li> <li>- Độ thanh thải (Lưu lượng máu: 300ml/phút):Ure <math>\geq 270</math> ml/phút (KoA: 1145); Creatinine <math>\geq 251</math> ml/phút; Phosphate <math>\geq 221</math> ml/phút; Vitamin B12 <math>\geq 143</math> ml/phút.</li> <li>- Tiệt trùng: Tia Gamma hoặc tương đương</li> </ul>	Quả	1.200	
22	Nhóm 1	Quả lọc máu có hệ số siêu lọc thấp	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nguyên liệu: màng lọc làm từ sợi Polyethersulfone hoặc tương đương, không chứa Bisphenol-A(BPA), không chứa DEHP.</li> <li>- Diện tích <math>\leq 1,7</math> m<sup>2</sup>.</li> <li>- Thể tích mỗi <math>\leq 104</math>mL.</li> <li>- Hệ số siêu lọc: <math>\geq 18</math> (mL/giờ/mmHg).</li> <li>- Độ dày thành sợi <math>\geq 40</math> <math>\mu</math>m.</li> <li>- Đường kính sợi <math>\geq 200</math> <math>\mu</math>m</li> <li>- Vỏ quả lọc: Polypropylene hoặc tương đương.</li> <li>- Độ thanh thải (Lưu lượng máu: 300ml/phút):Ure <math>\geq 267</math> ml/phút; Creatinine</li> </ul>	Quả	1.600	

Sst	Phân nhóm theo thông tư 14/2020/TT-BYT	Tên hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
23	Nhóm 4	Quả lọc máu hấp phụ	<p>≥ 246 ml/phút; Phosphate ≥ 205 ml/phút; Vitamin B12 ≥ 124 ml/phút.</p> <p>- Tiết trùng: Tia Gamma hoặc tương đương</p> <p>- Quả lọc máu hấp phụ điều trị suy thận mạn. Vật liệu vỏ Polycarbonate hoặc tương đương. Vật liệu hấp phụ là các hạt Resin, được xử lý bằng công nghệ "Crosslinking kép" nên có tính tương đồng sinh học cao. Thể tích hấp phụ: 130mL. Thể tích khoang máu: 114 mL. Diện tích hấp phụ: 52.000 m<sup>2</sup>. Nội trở: 4kPa. Lưu lượng máu tối đa: 250mL/phút. Áp suất chịu đựng: 100kPa. Độ chịu lực của hạt: 8,1N. Dải hấp phụ: 5~30kDa. Phương thức khử trùng: Tia Gamma. Dung dịch bảo quản: Nước tiêm vô trùng. Năng lực hấp phụ sau 2h trên in vivo: PTH: 53.4%; B2-MG: 44.7%; Creatinine: 85%; protein toxins: 42%; IL-6: 21.8%~31.5%. Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, EC hoặc tương đương</p>	Quả	60	
24	Nhóm 6	Dây nối giữa quả lọc hấp phụ và quả lọc thận nhân tạo	<p>- Được sử dụng trong quá trình lọc máu hấp phụ kết hợp với chạy thận nhân tạo HD+HP, dùng để nối quả lọc máu hấp phụ và quả lọc thận nhân tạo. Dây nối làm bằng chất liệu nhựa PVC dùng trong y tế không gây kích ứng đối với cơ. Hai đầu dây là hai đầu nối được phân biệt bằng màu xanh và đỏ. Đầu đỏ nối với quả lọc thận, đầu xanh nối với quả hấp phụ. Mặt trong thành ống trơn nhẵn đủ để làm giảm sức cản và tạo bọt của máu. Ống dây mềm mại, có tác dụng bảo vệ vệ dòng máu chảy bên trong.</p> <p>Hệ số siêu lọc (mL/h x mmHg): 55</p> <p>- Độ thanh thải với QB = 200 (mL/min):</p> <p>+ Ure : 192</p> <p>+ Creatinine: 180</p> <p>+ Phosphate: 177</p> <p>+ Vitamin B12: 135</p> <p>+ Inulin: 110</p> <p>- Độ thanh thải với QB = 300 (mL/min):</p> <p>+ Ure : 248</p> <p>+ Creatinine: 225</p> <p>+ Phosphate: 220</p>	Bộ	60	
25	Nhóm 1	Quả lọc máu HDF Online	<p>Hệ số siêu lọc (mL/h x mmHg): 55</p> <p>- Độ thanh thải với QB = 200 (mL/min):</p> <p>+ Ure : 192</p> <p>+ Creatinine: 180</p> <p>+ Phosphate: 177</p> <p>+ Vitamin B12: 135</p> <p>+ Inulin: 110</p> <p>- Độ thanh thải với QB = 300 (mL/min):</p> <p>+ Ure : 248</p> <p>+ Creatinine: 225</p> <p>+ Phosphate: 220</p>	Quả	600	



Stt	Phân nhóm theo thông tư 14/2020/TT-BYT	Tên hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
			<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Vitamin B12: 155</li> <li>+ Inulin: 120</li> <li>- Diện tích màng khoảng: 1.8 m<sup>2</sup></li> <li>- Độ dày thành/đường kính sợi (μm): 40/200</li> <li>- Thể tích môi (mL): 110</li> <li>- Chất liệu màng: Polysulfone</li> <li>- Chất liệu vỏ: Polycarbonate</li> <li>- Chất liệu đầu quả lọc: Polyurethane</li> <li>- Phương pháp tiệt trùng: Hơi nước INLINE</li> <li>- Phương thức điều trị: HDF/HF</li> </ul>			
26	Nhóm 2	Bộ dây lọc máu HDF Online	<p>Tính năng Online:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không cần dùng nước muối để môi, bolus hay dịch truyền.</li> <li>- Dây Safeline có sẵn trong mỗi set.</li> <li>- Không chứa DEHP</li> <li>- Đo lường chính xác áp lực động mạch thông qua cảm biến áp lực dạng vòm.</li> <li>- Bộ phát hiện khí được tích hợp sẵn trên dây.</li> <li>- Thể tích làm đầy nhỏ, hạn chế máu tiếp xúc với không khí bên ngoài.</li> <li>- Thể tích làm đầy khoảng 132mL</li> </ul>	Bộ	600	
27	Nhóm 3	Bộ dây chạy thận nhân tạo 3 trong 1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Gồm 2 phần chính là Động mạch và Tĩnh mạch kèm dây truyền dịch và phin lọc khí. Động mạch có chiều dài dây chủ khoảng 4m; kích thước ống Pump khoảng 8.0x12x400mm; bầu nhỏ giọt khoảng &gt;20mm; có nhánh áp lực. Tĩnh mạch có chiều dài dây chủ khoảng &gt;2,5m; có gắn phin lọc khí bảo vệ máy và có nhánh đo áp lực.</li> </ul>	Bộ	10000	
28	Nhóm 4	Kim Fistula G16 cánh xoay	<p>Bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 1 kim (16G/17G) dài khoảng 25mm có thành siêu mỏng, được phủ silicone giúp trơn láng</li> <li>- 1 cánh mã màu giúp phân biệt kích thước kim, có 2 loại cánh có định hoặc xoay.</li> </ul>	Cái	45.000	

Stt	Phân nhóm theo thông tư 14/2020/TT-BYT	Tên hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
			<ul style="list-style-type: none"> <li>- 1 kẹp khóa</li> <li>- 1 đầu nối phù hợp với mọi bộ dây chạy thận</li> <li>- 1 ống dây dài 30cm</li> <li>- 1 khe hở ngay đầu kim, ngăn chặn bất ổn và tổn thương mô.</li> <li>- Tiết trùng bằng khí EO hoặc tia Gamma</li> </ul>			
29	Nhóm 1	Bột khô pha dịch đậm đặc chạy thận nhân tạo ( Acid )	<p>Bột khô dùng để pha dung dịch đậm đặc chạy thận nhân tạo ( dung dịch A), 1 thùng bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 1 gói hỗn hợp Natri chlorid, Kali chlorid, Calci chlorid 2H<sub>2</sub>O, Magnesil chlorid 6H<sub>2</sub>O trọng lượng &gt;4,7kg</li> <li>- 1 gói hỗn hợp bột Acid acetic, Natri acetat trọng lượng &gt;1,4 kg</li> <li>- 3 gói bột Natri chlorid, mỗi gói trọng lượng &gt;5,8kg.</li> <li>- 1 thùng bột pha được khoảng 100 lít dịch theo tiêu chuẩn.</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485.....</li> </ul>	Thùng	700	
30	Nhóm 1	Bột khô pha dịch đậm đặc chạy thận nhân tạo ( Bicarbonat )	<p>Bột khô dùng để pha dung dịch đậm đặc chạy thận nhân tạo (dung dịch thẩm phân máu B)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>1 thùng gồm 4 gói bột Natri bicarbonate, mỗi túi trọng lượng khoảng 8,4kg.</li> <li>1 thùng pha được 400 lít theo tiêu chuẩn.</li> <li>Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485.....</li> </ul>	Thùng	220	
31	Không phân nhóm	Acid citric	Dạng tinh thể trắng không màu, trong suốt, có vị chua đặc trưng	Kg	800	
32	Không phân nhóm	Dung dịch rửa quả lọc thận	Dung dịch làm sạch, khử trùng quả lọc thận nhân tạo. Thành phần chứa Peracetic acid; - Hydrogen peroxide.	Lít	240	
33	Không phân nhóm	Javen đậm đặc	Là dung dịch : NaClO, NaCl, NaOH, Cl <sub>2</sub> , H <sub>2</sub> O. Là chất lỏng có mùi sốc của clo. Dùng để khử trùng, khử mùi, phòng chống dịch bệnh, để tẩy trắng vải, sợi, giấy	Lít	200	



Stt	Phân nhóm theo thông tư 14/2020/TT-BYT	Tên hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
34	Không phân nhóm	Muối hoàn nguyên - Muối viên nén dùng cho y tế (Muối tái sinh)	Muối viên nén dùng trong y tế, dùng cho lọc nước RO	Bao	100	
35	Nhóm 1	Bộ dây quả lọc máu liên tục	<p>Quả lọc máu liên tục kèm bộ dây dẫn. Cân nặng tối thiểu ≤30kg. Chất liệu: Sợi lọc: Acrylonitrile và sodium methallyl sulfonate copolymer; Vỏ và đầu quả lọc: Polycarbonate</p> <p>Các thông số khác:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thể tích máu trong bộ quả lọc ≤160ml</li> <li>- Diện tích màng hiệu dụng ≥0,8 m<sup>2</sup></li> <li>- Tốc độ dòng máu từ ≤80 ml/phút đến ≥400 ml/phút</li> <li>- Thể tích môi máu (chỉ ở quả lọc) ≤70ml</li> <li>- <b>TMP tối đa ≥500mmHg/66,6 kPa</b></li> </ul>	Bộ	100	
36	Nhóm 3	Bộ dây lọc máu liên tục	Bộ dây lọc máu cho máy lọc máu Diapact CRRT, một bộ gồm: 2 Túi dịch thải, 2 đầu kết nối túi, dây động mạch, Dây dẫn đầu vào dịch thay thế/thẩm tách; Dây dẫn đầu ra Siêu lọc/ thẩm tách;	Bộ	300	
37	Nhóm 3	Quả lọc máu liên tục	Màng lọc máu cấp cứu; chất liệu: Polyethersulfone hoặc tương đương; tiết khuẩn bằng tia Gamma; diện tích bề mặt 2.0 m <sup>2</sup> , hệ số sàng: Myoglobine = 0.55; β2-microglobulin =0.8; Albumin = 0.005	Quả	300	
38	Nhóm 3	Quả lọc huyết tương	Màng lọc tách huyết tương diện tích 0.5 m <sup>2</sup> , chất liệu polyethersulfone, đường kính trong sợi màng 300 micromet, dày sợi màng 100 micromet, kích thước lỗ màng tối đa 0.5 micromet, tiết trùng ETO, thể tích ngăn máu 48 ml, thể tích ngăn plasma 154 ml, tốc độ máu 60 - 180 ml/phút, tốc độ plasma = 30% tốc độ máu, áp lực xuyên màng tối đa 100mmHg	Quả	100	

Stt	Phân nhóm theo thông tư 14/2020/TT-BYT	Tên hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
39	Nhóm 3	Dây lọc máu thay huyết tương	Bộ dây tách huyết tương PEX cho máy lọc máu Diapact CRRT, một bộ gồm: Dây động mạch, dây tĩnh mạch; Bộ chuyển đổi điện áp quả lọc tách huyết tương, Dây dẫn dịch thay thế, Dây dẫn đầu ra huyết tương.	Bộ	100	
40	Nhóm 3	Catheter tĩnh mạch trung tâm	Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 nòng không chứa DEHP; dài $\geq 20$ cm, thể tích mỗi $\leq 1.4$ ml, chất liệu polyurethan, có dây nối đo ECG; có chất cản quang, có ống dẫn đường (đường kính 0.89 mm x dài 50cm), ống thông 18G có van, ống nong 12F, có dây dẫn nối máy điện tim, có dao mổ, xylanh 5ml. Tốc độ của nòng xa, nồng gần $\geq 190$ ml/ phút	Bộ	100	
41	Nhóm 1	Quả lọc máu hệ số siêu lọc thấp	Hệ số siêu lọc (ml/gixmmHg): 13 Độ thanh thải (lưu lượng máu = 200ml/ph) - Urea: $\geq 186$ ; - Creatinine: $\geq 173$ ; - Phosphate: $\geq 148$ ; - Vitamin B12: $\geq 92$ ; Độ thanh thải (lưu lượng máu = 300ml/ph); - Urea: $\geq 24$ ; Creatinine: $\geq 215$ ; - Phosphate: $\geq 175$ ; - Vitamin B12: $\geq 100$ * Diện tích bề mặt (m <sup>2</sup> ): 1.3 - Độ dày thành/Đường kính sợi (m $\mu$ ) khoảng: 40/200; - Thể tích môi (mL): $\leq 78$ ; - Chất liệu màng: Polyethersulfone hoặc tương đương; - Chất liệu vỏ: Polycarbonate hoặc tương đương; - Chất liệu đầu quả lọc: Polyurethane hoặc tương đương; - Phương pháp tiệt trùng: Hơi nước INLINE hoặc tương đương	Quả	1.020	

Tổng cộng: 41 danh mục